

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đồng Nhà Thần lô 2 (giai đoạn 2), xã Hà Thái, huyện Hà Trung của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 06/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hà Trung về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đồng Nhà Thần lô 2 (giai đoạn 2), xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 10516/STNMT-BVMT ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đồng Nhà Thần lô 2 (giai đoạn 2), xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1613/Tr-STNMT ngày 30/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đồng Nhà Thần lô 2 (giai đoạn 2), xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự

án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đồng Nhà Thần lô 2 (giai đoạn 2), xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung thực hiện tại xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hà Trung, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Hà Thái (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đồng Nhà Thần lô 2 (giai đoạn 2), xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đồng Nhà Thần lô 2 (giai đoạn 2), xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung.

+ Người đại diện: Ông Nguyễn Công Khanh - Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện trên khu đất có tổng diện tích là 1.358 m² tại xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Quy mô xây dựng: Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạng mục giao thông, kết nối với khu Đồng nhà thần lô 2 (giai đoạn 1) đã xây dựng.

- Quy mô sử dụng đất của dự án: 1.358 m², trong đó: đất ở nông thôn: 870 m²; đất HTKT: 488 m².

- Quy mô dân số của dự án khoảng 30 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

Phát quang thực vật, san nền và thi công xây dựng đường giao thông bao gồm 2 tuyến:

- Tuyến 01: Đi từ đường nhựa đến mặt bằng, chiều dài L= 63,45m ;

- Tuyến 02: Phía trước khu dân cư dọc theo tuyến từ M1 đến M4, chiều dài L= 44,4m.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa 2 vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Các tác động chính của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng gồm: Hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, san nền phần đất giao thông, thi công đường 2 tuyến đường, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt,

chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung... tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn vận hành gồm: Hoạt động xây dựng công trình nhà ở, sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án, giao thông đi lại trên các tuyến đường... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại... tác động đến dân cư, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (bao gồm: nước thải vệ sinh khoảng $0,49 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước rửa tay chân, giặt giũ khoảng $0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và nước thải ăn uống $0,06 \text{ m}^3/\text{ngày}$). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng $2,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn tại công trường thi công có lưu lượng ngày lớn nhất $0,002 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng...

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công đường giao thông gồm: Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công đường giao thông gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

3.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng $4,0 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: khối lượng đất đổ thải (đất nạo vét hữu cơ) $319,35 \text{ m}^3$; bao bì xi măng $0,113 \text{ tấn}/\text{quá trình thi công}$; chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá dăm... là $10,65 \text{ tấn}$; chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẩu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, gạch vỡ... là $0,6 \text{ tấn}$.

3.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng $3,0 \text{ kg}/\text{tháng}$.

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh rải rác không đáng kể do khối lượng thi công ít và trong thời gian ngắn.

3.1.3. Các tác động khác:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

- Chiếm dụng diện tích đất lúa 2 vụ.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; tai nạn lao động; cháy nổ, cháy rừng; ...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng $3,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (nước thải từ tắm, rửa tay, giặt: $1,44 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước thải nhà vệ sinh: $1,08 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước thải ăn uống: $1,08 \text{ m}^3/\text{ngày}$). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn ngày lớn nhất có lưu lượng $0,005 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải... Thành phần bao gồm: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

3.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ khu dân cư khoảng $30 \text{ kg}/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì, thức ăn thừa...

3.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án khoảng $0,3 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần bao gồm: pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

3.2.5. Các tác động khác:

Các rủi ro, sự cố môi trường khác như: rủi ro, sự cố cháy nổ, hỏa hoạn; sự cố trạm biến áp, đường điện; sự cố mất an ninh trật tự; sự cố hư hỏng hệ thống thu gom, xử lý nước thải của dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các

phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 30m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời với kích thước $R \times C = 0,4m \times 0,4m$ được bố trí dọc khu đất thực hiện dự án theo hướng dẫn nước về mương thoát nước chung khu vực; các hố gas tạm có kích thước $D \times R \times H = 1,0m \times 1,0m \times 1,0m$. Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom chảy ra mương tiêu phía Đông Nam khu vực dự án.

b. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Đào hố lắng có thể tích $1m^3$ (kích thước $1m \times 1m \times 1m$, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được thoát ra mương thoát nước phía Đông Nam dự án.

- Nước thải từ quá trình ăn uống: Váng dầu mỡ và cặn lắng được thu gom tập trung cùng với chất thải sinh hoạt, sau đó thuê đơn vị dịch vụ môi trường địa phương thu gom 1 lần/ngày, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) nhà thầu thi công xây dựng sẽ thuê 1 nhà vệ sinh di động đặt tại khu lán trại. Định kỳ 1 ngày 1 lần thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Đào 01 hố lắng có thể tích là $5 m^3$ (kích thước $2,5m \times 2m \times 1m$), đáy bể lót bạt chống thấm để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ. Váng dầu mỡ được thu gom, lưu giữ và xử lý cùng với chất thải nguy hại.

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, với số lượng 02 bộ/người/năm.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,5 m dài 100m bao quanh vị trí tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Nam để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư.

- Tiến hành phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển với chiều dài 500m tính từ khu vực dự án. Dùng xe téc $5m^3$ phun nước làm ẩm, tần suất phun nước dự kiến 04 lần/ngày và khi phát sinh bụi nhiều trong điều kiện thời tiết khô hanh có thể tăng số lần phun nước làm ẩm với phạm vi tưới ẩm cần thực hiện thường xuyên tại một số vị trí nhạy cảm như: Khu dân cư tiếp giáp dự án, đường tỉnh lộ 527C hiện hữu và các tuyến đường nội bộ của xã Hà Thái và khu vực công nhân đang thi công.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải không được chở quá tải trọng quy định và phải có bạt che thùng tránh làm rơi vãi nguyên vật liệu, chất thải trên đường.

- Thiết bị, máy móc, xe vận chuyển khi ra khỏi công trường phải được phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên thùng xe, lốp xe.

- Thuê công nhân quét dọn vệ sinh mặt đường khi có vật liệu rơi vãi, đặc biệt trên 2 tuyến đường giao thông (tuyến tỉnh lộ 527C và tuyến đường liên thôn xã).

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng (dung tích 20 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại. Toàn bộ rác thải sinh hoạt được đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng địa phương vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 1 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:*

- + Khối lượng đất đổ thải (đất nạo vét hữu cơ) là 319,35 m³. Đổ thải tại chỗ, khu vực đất phân lô, cự ly vận chuyển 0,01 km (có biên bản đồ thải kèm theo). Loại đất này được tận dụng bán cho các hộ dân và đơn vị khác có nhu cầu mua đất trồng cây;

- + Thảm phủ thực vật và một số chất thải rắn không tái chế được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định;

- + Chất thải rắn như: đất, đá thải, gạch,... được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại các dự án khác trong khu vực;

- + Chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa dung tích 20 lít/thùng có dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ, đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các sự cố môi trường:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, tài sản trên đất, đất lúa 02 vụ theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo

đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

- Phạm vi dự án yêu cầu chủ dự án phải làm hoàn chỉnh hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang đất phi nông nghiệp và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

b. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung:

- Đối với các máy móc, phương tiện thi công cần đảm bảo mức phát âm nằm trong giới hạn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Tại khu vực thi công dự án thông thường từ 6 giờ - 21 giờ giới hạn tối đa cho phép là 70 dBA).

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về tiếng ồn.

- Trang bị đầy đủ nút tai chống ồn cho công nhân trong quá trình thi công.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời gây tiếng ồn cộng hưởng. Đối với các loại máy móc không sử dụng thường xuyên thì tắt máy trong thời gian không sử dụng tránh gây ồn cộng hưởng.

- Tuyển đường vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng đi qua khu dân cư yêu cầu đơn vị thi công không vận chuyển vào thời gian cao điểm, ban đêm để tránh gây ồn ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Tại khu vực thi công dự án thông thường từ 6 giờ - 21 giờ giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung là 75 dB).

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do tai nạn lao động, tai nạn giao thông:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình thi công theo quy định; bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân;

- Phương tiện vận chuyển sử dụng đảm bảo các quy định về đặc tính kỹ thuật, tuân thủ theo đúng tuyến đường vận chuyển đã được phê duyệt; quá trình tập kết nguyên vật liệu tránh tập trung vào một thời điểm, không vận chuyển vào giờ đi làm, tan làm của công nhân trong khu công nghiệp;

- Trong điều kiện trời mưa lớn đơn vị thi công cần dừng toàn bộ quá trình thi công để đảm bảo an toàn cho công nhân cũng như máy móc, thiết bị;

- Lắp biển báo công trường đang thi công tại những nơi phù hợp, dễ quan sát.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố cháy nổ:

Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; trang bị các phương tiện (bình bột chữa cháy, máy bơm nước, vòi phun,...) tại khu vực lán trại để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Trách nhiệm của Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:

Chủ đầu tư yêu cầu các hộ gia đình đầu tư xây dựng, lắp đặt bể XLNT cải tiến Bastaf; thiết bị tách dầu mỡ để xử lý nước thải vệ sinh tại hộ gia đình. Nước thải sau khi xử lý được đầu nối qua các ống chờ sẵn vào mương thoát nước thải chung của khu vực cùng với khu dân cư Đồng Nhà Thần lô 1.

b. Trách nhiệm của các hộ dân:

Đầu tư xây dựng bể tự hoại cải tiến Bastaf; thiết bị tách dầu mỡ để xử lý nước thải vệ sinh tại hộ gia đình. Nước thải từ khu vực ăn uống tại các hộ được xử lý qua thiết bị tách dầu mỡ để tách dầu mỡ; nước thải vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại cải tiến (*thường xuyên bổ sung chế phẩm xử lý bể tự hoại*); Nước thải từ khu vực tắm rửa, giặt giũ tại các hộ được xử lý qua bể lắng cặn để lắng cặn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải chung của khu vực dự án;

4.2.2. Về bụi, khí thải:

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:

- + Trồng cây xanh dọc hai bên các tuyến đường giao thông.
- + Nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh; kiểm tra sửa chữa, khắc phục các vị trí hư hỏng.

- Trách nhiệm của các hộ dân: Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vực vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà; để rác thải đúng quy định về thời gian và địa điểm; đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường; Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại CTR cho người dân trong khu dân cư. Xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ xả chất thải, gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

+ Định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh và thông báo rộng rãi cho toàn Khu dân cư biết trước khi triển khai.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý CTR cho khu dân cư phù hợp với kế hoạch quản lý CTR của địa phương.

+ Đặt biển báo cấm vứt rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định. Hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường địa phương thu gom và xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Các hộ dân tự phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thành 3 loại (chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác).

+ Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

+ Các hộ dân không được xả chất thải ra khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- *Trách nhiệm của Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:*

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại CTNH cho người dân trong khu dân cư. Xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ xả chất thải, gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư;

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

Các gia đình tự thu gom, phân loại và bỏ vào thùng đựng CTNH được bố trí tại các vị trí thu gom của khu dân cư.

4.2.5. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động khác:

- Tiếng ồn, độ rung:

+ Hạn chế các xe có tải trọng lớn lưu thông trên các tuyến đường trong khu vực dự án.

+ Trồng các dải cây xanh hai bên đường để giảm thiểu tiếng ồn lan truyền đi xa.

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng mặt đường để giảm tiếng ồn sinh ra do sự tương tác giữa lốp ô tô với mặt đường.

- Phòng chống cháy nổ: Thiết kế và lắp đặt hệ thống chữa cháy theo đúng quy định của Nhà nước; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức về công tác PCCC đối với các hộ gia đình, các nhà đầu tư thành viên; bố trí các họng lấy nước phòng cháy chữa cháy có sẵn, thuận tiện sử dụng khi cần thiết; bố trí các trục đường có ống cấp nước chính đặt các trụ cứu hỏa, ưu tiên đặt các trụ cứu hỏa ở ngã ba, ngã tư để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Theo điểm b, khoản 2, Điều 111, Luật BVMT 2020, Điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đồng Nhà Thần lô 2 (giai đoạn 2), xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc và giám sát môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.